PHỤ LỤC 01

CÁC TRƯỜNG THÔNG TIN ĐỊA CHÍNH BẮT BUỘC THUỘC NHÓM 1

- Căn cứ: Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai; Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai.

- Nội dung làm việc tổ kỹ thuật giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia (C12), Cục Chuyển đổi, Cục Quản lý đất đai và các đơn vị phát triển phần mềm LIS (VBDLIS, VNPT-iLIS, Viettel, ViL

BẢNG MÔ TẢ CÁC TRƯỜNG THÔNG TIN ĐỊA CHÍNH BẮT BUỘC THUỘC NHÓM 1:

1. Dữ liệu thuộc tính đất đai

1.1. Dữ liệu thuộc tính địa chính

1.1.1. Nhóm dữ liệu về thửa đất

a) Dữ liệu về thửa đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	thuaDatID	String		x	x	ID duy nhất của bảng dữ liệu thửa đất trong CSDL. Trong TH thửa đất có nhiều phiên bản nhưng CSDL địa phương sử dụng chung ID thì ĐP gen ID theo quy tắc: [ID thửa đất trùng]_version Vd: 123456_1; 123456_2
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Interger	1	x		Là trường phân loại dữ liệu đất đai 1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo "đúng - đủ - sạch - sống" theo hướng dẫn CV 2571 2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa "đúng - đủ - sạch - sống" theo hướng dẫn CV 2571 6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Mã thửa đất	maThuaDat	String	10	x		12 ký tự được mã hóa theo vị trí địa lý trong hệ tọa độ quốc tế WGS84 của thửa đất. Mã định danh thửa đất được mã hóa theo tọa độ địa lý (vĩ độ và kinh độ)
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	String	5	x	x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Số hiệu tờ bản đồ	soHieuToBanDo	Integer	4	x	x	Là số hiệu bản đồ
Số hiệu tờ bản đồ cũ	soHieuToBanDoCu	String	50			Là số hiệu bản đồ cũ (dưới dạng văn bản)
Số thửa đất	soThuTuThua	Integer	5	x	x	Là số thứ tự thửa đất
Số thửa đất cũ	soThuTuThuaCu	String	50			Là số thứ tự thửa đất cũ (dưới dạng văn bản)
Diện tích	dienTich	Real		x	x	Là diện tích không gian của thửa đất, đơn vị tính là m²
Diện tích pháp lý	dienTichPhapLy	Real				Là diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận; trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận mà có giấy tờ pháp lý về nguồn gốc thì ghi diện tích theo giấy tờ đó; trường hợp không có các giấy tờ trên thì không nhập mục này. Đơn vị tính là m²
Ghi chú diện tích	ghiChuDienTich	String	255			thể hiện ghi chú diện tích thửa đất nằm trên nhiều ĐVHC
Tài liệu đo đạc	maTaiLieuDoDac	Integer				Là mã tài liệu trong bảng danh mục DM_LoaiTaiLieuDoDacDiaChinh
Là đối tượng chiếm đất	laDoiTuongChiemDat	Boolean				0: Là thửa đất 1: Là đối tượng địa lý hình tuyến
Địa chỉ	diaChiID				x	ID địa chỉ thửa đất liên kết đến thẻ Địa chỉ
Trạng thái đăng ký	trangThaiDangKy	Integer	1			Là mã trạng thái đăng ký tình trạng pháp lý quyền của thửa đất trong bảng danh mục DM_LoaiTrangThaiDangKyCapGCN
Loại thửa đất	loaiThuaDat	Integer	1			Là mã loại thửa đất quy định tại TT05 về quy trình xây dựng CSDL đất đai trong bảng danh mục DM_LoaiThuaDat
Phiên bản	phienBan	Interger			x	Là số nguyên thể hiện thông tin phiên bản của thửa đất (mỗi lần biến động của thửa đất có 1 số).
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin 0: false; 1: true

b) Dữ liệu về loại đất của thửa đất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	mucDichSuDungDatID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã thửa đất	thuaDatID	String	10			Khóa ngoại liên kết tới dữ liệu thửa đất
Số thứ tự loại đất	soThuTuLoaiDat	Integer	1			Là số thứ tự của loại đất theo thửa
Mã loại đất	maLoaiDat	String	3	x	x	Là mã loại đất được xác định trong bảng danh mục loại đất
Mã mục đích sử dụng theo quy hoạch	maMDSDQH	String	3			Là mã mục đích sử dụng theo quy hoạch được xác định trong bảng mã
Diện tích	dienTich	Real		x	x	Là diện tích của loại đất, đơn vị tính là m²
Thời hạn sử dụng	thoiHanSuDung	String	50	x		Là thông tin về thời hạn sử dụng thực tế
Ngày hạn sử dụng	ngayHanSuDung	Date	20			Là ngày hạn sử dụng xác định đến ngày, tháng, năm hạn sử dụng đất
Phiên bản thửa đất	phienBanThuaDat	Interger				Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của thửa đất

c) Dữ liệu về nguồn gốc sử dụng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	nguonGocID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nguồn gốc sử dụng đất đăng ký	nguonGocDangKy	String	255			Là nguồn gốc sử dụng đất trong trường hợp đăng ký sử dụng đất nhưng chưa hoặc không cấp Giấy chứng nhận ví dụ: "Sử dụng đất từ năm 1984, do tự khai phá (hoặc do Ông cha để lại, do nhận chuyển nhượng, được Nhà nước giao không thu tiền ...)";
Nguồn gốc sử dụng đất cấp giấy lần đầu	nguonGocCapGiayLanDau	String	20	x	x	Là mã nguồn gốc sử dụng đất được xác định khi cấp Giấy chứng nhận lần đầu, xác định nguồn gốc trong bảng danh mục nguồn gốc sử dụng
Nguồn gốc sử dụng đất biến động	nguonGocBienDong	String	255			Là nguồn gốc sử dụng đất thể hiện hình thức nhận chuyển quyền (nếu có), xác định nguồn gốc trong bảng danh mục nguồn gốc sử dụng
Diện tích	dienTich	Real		x	x	Là diện tích nguồn gốc

d) Dữ liệu về bảng tài liệu đo đạc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Tài liệu đo đạc	taiLieuDoDacID	String			x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	String	5		x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam
Loại bản đồ địa chính	loaiBanDoDiaChinh	Integer	1		x	Là loại bản đồ địa chính nằm trong bảng danh mục
Loại hình đo đạc	hinhThucDoDac	Integer	1			Là loại hình đo đạc nằm trong bảng danh mục (đo mới, đo bổ sung, đo chỉnh lý, trích đo địa chính…)
Đơn vị đo đạc	donViDoDac	String	100			Là tên đơn vị đo đạc
Phương pháp đo	phuongPhapDo	String	100			Là phương pháp đo đạc
Mức độ chính xác	mucDoChinhXac	String	30			Là mức độ chính xác
Tỷ lệ đo đạc	tyLeDoDac	String	20		x	Là các tỷ lệ: 1/200, 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000, 1/10000
Ngày hoàn thành	ngayHoanThanh	Date	10			Là ngày hoàn thành đo đạc
Phiên bản thửa đất	phienBanThuaDat	Interger				Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của thửa đất

3.1.2. Nhóm dữ liệu về người quản lý, sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (Bắt buộc đối với dữ liệu nhóm 1)

a) Dữ liệu về cá nhân

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	caNhanID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
mã loại đối tượng sử dụng quản lý	maDoiTuongSuDungQuanLy	String	3	x	x	Là mã loại đối tượng sử dụng quản lý nằm trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuongQuanLy
Họ và tên	hoTen	String	150	x	x	Là họ và tên của người ghi trong giấy tờ nhân thân.
Ngày tháng năm sinh	ngaySinh	Date	10			Là ngày, tháng, năm sinh (nếu có) Định dạng: yyyy-MM-dd
Năm sinh	namSinh	Integer	4		x	Năm sinh
Giới tính	gioiTinh	Integer	1		x	Thể hiện giới tính của cá nhân (0 là nữ, 1 là nam và 2 là giới tính khác)
Mã số thuế	maSoThue	String	20			Là mã số thuế để kết nối sang cơ sở dữ liệu của ngành thuế
Quốc tịch	Chi tiết tại nhóm thông tin về quốc tịch				x	Liên kết sang dữ liệu quốc tịch của đối tượng là cá nhân
Dân tộc	Chi tiết tại nhóm thông tin về dân tộc				x	Liên kết sang dữ liệu dân tộc của đối tượng là cá nhân
Địa chỉ	diaChiID	String	150		x	Là thông tin về địa chỉ của đối tượng là cá nhân
Phiên bản	phienBan	Interger			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cá nhân
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

b) Dữ liệu về hộ gia đình

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	hoGiaDinhID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Chủ hộ	chuHoID	String		x	x	Là người có vai trò là chủ hộ. Một hộ gia đình có duy nhất một người là chủ hộ
Vợ hoặc chồng	voChongID	String				Là người có vai trò là vợ hoặc chồng đối với chủ hộ
Thành viên	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân			x	x	Là các thành viên của hộ gia đình
Địa chỉ	diaChiID	String	150	x	x	Là thông tin về địa chỉ của hộ gia đình
Phiên bản	phienBan	Interger			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của hộ gia đình
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

c) Dữ liệu về vợ chồng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	voChongID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Vợ	voID	String		x	x	Là người có vai trò là vợ
Chồng	chongID	String		x	x	Là người có vai trò là chồng
Đại diện vợ chồng	daiDienVoChong	Integer	1			Là thông tin chọn ai là người đại diện để hiển thị lên giấy chứng nhận trong trường hợp vợ/chồng thoả thuận chỉ đứng tên 1 người 0: Chồng 1: Vợ null: Không có người đại diện
Phiên bản	phienBan	Interger			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của vợ chồng
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

d) Dữ liệu về tổ chức

Trường thông tin		Tiếng Anh	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	toChucID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đối tượng sử dụng quản lý	maDoiTuongSuDungQuanLy	String	3	x	x	Là mã loại đối tượng sử dụng quản lý nằm trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuongQuanLy
Tên tổ chức	tenToChuc	String	120	x	x	Là tên của tổ chức
Tên viết tắt	tenVietTat	String	30			Là tên viết tắt của tổ chức
Tên tổ chức bằng tiếng Anh	tenToChucTA	String	120			Là tên của tổ chức bằng tiếng Anh (nếu có)
Người đại diện	nguoiDaiDienID	String				Là người đại diện theo pháp luật
Số quyết định	soQuyetDinh	String	30			Là số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
Ngày quyết định	ngayQuyetDinh	Date				Là ngày ra quyết định thành lập hoặc ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức.
Loại quyết định thành lập	loaiQuyetDinhThanhLap	String	30			Là thông tin phân loại quyết định thành lập tổ chức.
Mã số doanh nghiệp	maDoanhNghiep	String	30			Là mã số doanh nghiệp
Mã số thuế	maSoThue	String	20			Là mã số thuế để kết nối sang cơ sở dữ liệu của ngành thuế
Địa chỉ	diaChiID	String	150	x	x	Là thông tin về địa chỉ của tổ chức
Phiên bản	phienBan	Interger			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của tổ chức
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

d) Dữ liệu về cộng đồng dân cư

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	congDongID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đối tượng sử dụng quản lý	maDoiTuongSuDungQuanLy	String	3	x	x	Là mã loại đối tượng sử dụng quản lý nằm trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuongQuanLy
Tên cộng đồng	tenCongDong	String	120	x	x	Là tên của cộng đồng dân cư
Người đại diện	nguoiDaiDienID	String				Là người đại diện theo pháp luật
Địa danh cư trú	diaChiID	String	150	x	x	Là địa danh cư trú của cộng đồng dân cư
Phiên bản	phienBan	Interger			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cộng đồng dân cư
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

e) Dữ liệu về nhóm người đồng sử dụng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	nhomNguoiID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Người đại diện	nguoiDaiDienID	String		x	x	ID của người đại diện nhóm đồng sử dụng theo loại đối tượng, vd: Cá nhân, Tổ Chức, CDDC… trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong
Mã loại đối tượng của người đại diện	maLoaiDoiTuong	String	5	x	x	mã loại đối tượng của người đại diện nhóm đồng sử dụng trong bảng danh mục DM_LoaiDoiTuong
Thành viên	Chi tiết tại nhóm thông tin về cá nhân, hộ gia đình, vợ			x	x	Là các thành viên còn lại của nhóm
Phiên bản	phienBan	Interger			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhóm người đồng sử dụng
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

g) Dữ liệu về địa chỉ (Bắt buộc)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	diaChiID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã đơn vị hành chính	maXa	String	5	x	x	Là mã đơn vị hành chính cấp xã
Địa chỉ chi tiết	diaChiChiTiet	String	50			Là địa chỉ chi tiết gồm: số nhà (nếu có); trường hợp địa chỉ là căn hộ chung cư hoặc tập thể thì xác định số nhà là số hiệu căn hộ/số hiệu toà nhà; tên ngõ phố,
Đường phố	tenDuongPho	String	50			Là tên đường, tên phố (nếu có)
Tổ dân phố	tenToDanPho	String	30			Là tên tổ dân phố (nếu có); đối với nông thôn là tên: thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc
Tên đơn vị hành chính cấp xã	tenDVHCXa	String	30		x	Là tên xã hoặc phường hoặc thị trấn
Tên đơn vị hành chính cấp huyện	tenDVHCHuyen	String	30			Là tên quận hoặc huyện hoặc thị xã hoặc thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố
Tên đơn vị hành chính cấp tỉnh	tenDVHCTinh	String	30		x	Là tên tỉnh hoặc tên thành phố trực thuộc Trung ương.
Mã địa chỉ số	maDiaChiSo	String				Là mã địa chỉ số của thửa đất hoặc tài sản theo quy định xác định mã địa chỉ số quốc gia.
Phiên bản	phienBanDoiTuong	Interger			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của đối tượng Mặc định là 1 theo hướng dẫn chuyển đổi của Cục

h) Dữ liệu về giấy tờ tùy thân (Bắt buộc nếu cá nhân có dữ liệu)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	giayToTuyThanID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã loại giấy tờ tùy thân	loaiGiayToTuyThan	Integer	1	x	x	Là loại giấy tờ tùy thân nằm trong bảng danh mục DM_LoaiGiayToTuyThan
Tên loại giấy tờ tùy thân	tenLoaiGiayToThuyThan	String	255			là giá trị của giấy tờ tùy thân trong bảng danh mục DM_LoaiGiayToTuyThan
Số giấy tờ	soGiayTo	String	30	x	x	Là số giấy tờ tùy thân
Ngày cấp	ngayCap	Date				Là ngày cấp giấy tờ tùy thân Định dạng: yyyy-MM-dd
Nơi cấp	noiCap	String	100			Là nơi cấp giấy tờ tùy thân
Mã định danh cá nhân	maDinhDanhCaNhan	String			x	Trường hợp đã xác thực điện tử với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì tự động lấy mã từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
Hình thức xác thực	hinhThucXacThuc	Integer				1: là trạng thái xác thực qua giấy tờ tùy thân 2: là trạng thái đã xác thực qua VNID 3: là hình thức xác thực khác
Xác định giấy tờ pháp lý đã cấp theo GCN	laGiayToPhapLyTheoGCN	Boolean	1		x	- Xác định loại giấy tờ pháp lý đã cấp theo GCN, phục vụ chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo CV 2571/QLĐĐ-TKKKTTĐĐ - Mỗi version của 1 chủ chỉ có 1 loại giấy tờ là giấy tờ pháp lý cấp theo GCN. Trường hợp chủ chỉ có 1 loại giấy tờ thì mặc định set = TRUE
Phiên bản	phienBanCaNhan	Interger			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của cá nhân

i) Dữ liệu về giấy tờ tổ chức (Bắt buộc nếu tổ chức có dữ liệu)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	giayToToChucId	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã loại giấy tờ tổ chức	loaiGiayToToChuc	Integer	1	x	x	Là loại giấy tờ tùy thân nằm trong bảng mã DM_LoaiGiayToTuyThan
Số giấy tờ	soGiayTo	String	30	x	x	Là số giấy tờ tùy thân
Ngày cấp	ngayCap	Date	10			Là ngày cấp giấy tờ tùy thân
Nơi cấp	noiCap	String	100			Là nơi cấp giấy tờ tùy thân
Mã định danh doanh nghiệp	maDinhDanhDoanhNghiep	String			x	Trường hợp đã xác thực điện tử với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì tự động lấy mã từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
Hình thức xác thực	hinhThucXacThuc	Integer				1: là trạng thái xác thực qua giấy tờ tùy thân 2: là trạng thái đã xác thực qua VNID 3: là hình thức xác thực khác
Xác định giấy tờ pháp lý đã cấp theo GCN	laGiayToPhapLyTheoGCN	Boolean	1		x	- Xác định loại giấy tờ pháp lý đã cấp theo GCN, phục vụ chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo CV 2571/QLĐĐ-TKKKTTĐĐ - Mỗi version của 1 chủ chỉ có 1 loại giấy tờ là giấy tờ pháp lý cấp theo GCN. Trường hợp chủ chỉ có 1 loại giấy tờ thì mặc định set = TRUE
Phiên bản	phienBanToChuc	Interger			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của tổ chức

k) Dữ liệu về quốc tịch

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	quocTichID	String			x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã quốc gia	maQuocTich	String	3		x	Là mã quốc gia theo tiêu chuẩn ISO 3166-1
Tên quốc gia theo phiên âm Việt Nam	tenQuocTich	String	255		x	Là tên quốc gia theo phiên âm Việt Nam

l) Dữ liệu về dân tộc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	danTocID	String			x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
	maDanToc	Integer	2		x	
Tên dân tộc	tenDanToc	String	255		x	Là tên dân tộc

3.1.3. Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất

a) Dữ liệu về nhà ở riêng lẻ (bắt buộc liên kết với thửa đất khi đồng bộ dữ liệu)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	nhaRiengLeID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Interger	1			Là trường phân loại dữ liệu đất đai 1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo "đúng - đủ - sạch - sống" theo hướng dẫn CV 2571 2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa "đúng - đủ - sạch - sống" theo hướng dẫn CV 2571 6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	String	5	x	x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Real		x	x	Là diện tích mặt bằng chiếm đất của nhà ở tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của nhà. Đơn vị tính là m², được làm tròn số đến một chữ số thập phân;
Diện tích sàn	dienTichSan	Real				Đối với nhà ở một tầng thì thể hiện diện tích mặt bằng sàn xây dựng của nhà đó. Đối với nhà ở nhiều tầng thì thể hiện tổng diện tích mặt bằng sàn xây dựng
Số tầng	soTang	String				Thể hiện tổng số tầng nhà
Số tầng hầm	soTangHam	String				Thể hiện tổng số tầng hầm (nếu có)
Chiều cao	chieuCao	Real				Là chiều cao thông thủy (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Real				Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Năm hoàn công	namHoanCong	Interger				Năm hoàn công ghi trên giấy tờ (nếu có)
Kết cấu nhà ở	ketCau	String	150			Là thông tin kết cấu của nhà, thể hiện loại vật liệu xây dựng (gạch, bê tông, gỗ…), các kết cấu chủ yếu là tường, khung, sàn, mái. Ví dụ: "Tường, khung,
Cấp hạng	capHang	String	50			Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp nhà ở của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng
Địa chỉ	diaChiID	String		x	x	Là địa chỉ của nhà ở riêng lẻ
Phiên bản	phienBan	Interger			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà riêng lẻ
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

b) Dữ liệu về hạng mục nhà riêng lẻ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	hangMucSoNhaRiengLeID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Diện tích	dienTich	Real				Là diện tích của hạng mục nhà riêng lẻ. Đơn vị tính là m², được làm tròn số đến một chữ số thập phân.
Diện tích	dienTichSan	Real		x	x	Là diện tích sàn của hạng mục nhà riêng lẻ. Đơn vị tính là m², được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Real				Là diện tích xây dựng của hạng mục nhà riêng lẻ. Đơn vị tính là m², được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Tên hạng mục nhà	tenHangMucNha	String	150			Là tên của hạng mục nhà riêng lẻ
Chiều cao	chieuCao	Real				Là chiều cao thông thủy công trình (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Real				Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Phiên bản	phienBanNhaRiengLe	Interger				Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà riêng lẻ

c) Dữ liệu về khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	khuChungCuID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Interger	1			Là trường phân loại dữ liệu đất đai 1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo "đúng - đủ - sạch - sống" theo hướng dẫn CV 2571 2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa "đúng - đủ - sạch - sống" theo hướng dẫn CV 2571 6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Mã đơn vị hành chính cấp xã	maDVHCXa	String	5	x	x	Là mã số đơn vị hành chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.
Tên khu	tenKhu	String	100	x	x	Là tên của khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Diện tích khu	dienTichKhu	Real				Là diện tích khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp. Đơn vị tính là m², được làm tròn số đến một chữ số thập phân.
Địa chỉ	diaChiID	String		x	x	Là địa chỉ của chung cư
Phiên bản	phienBan	Interger			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của khu nhà chung cư
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin

d) Dữ liệu về nhà chung cư (bắt buộc liên kết với thửa đất khi đồng bộ dữ liệu)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu	Độ dài trường	Bắt buộc		Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin			Nhóm 1	TH còn lại (nếu object có dữ liệu)	
Mã đối tượng	nhaChungCuID	String		x	x	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Phân loại dữ liệu	phanLoaiDuLieu	Interger	1			Là trường phân loại dữ liệu đất đai 1: Nhóm 1 - Dữ liệu đảm bảo "đúng - đủ - sạch - sống" theo hướng dẫn CV 2571 2: Nhóm 2 - Dữ liệu chưa "đúng - đủ - sạch - sống" theo hướng dẫn CV 2571 6: Dữ liệu chưa sạch nhưng đã xác thực dữ liệu Chủ
Thuộc khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp	khuChungCuID	String				Khóa ngoại liên kết tới bảng khu nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Tên nhà chung cư	tenChungCu	String	100	x	x	Là tên của tòa nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Diện tích xây dựng	dienTichXayDung	Real				Là diện tích mặt bằng chiếm đất của nhà chung cư tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của nhà chung cư. Đơn vị tính là m², được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Diện tích sàn	dienTichSan	Real				Là diện tích sàn nhà chung cư. Đơn vị tính là m², được làm tròn số đến một chữ số thập phân
Tổng số căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại	tongSoCan	Integer				Là tổng số căn hộ, văn phòng, cơ sở dịch vụ - thương mại trong nhà chung cư, nhà hỗn hợp
Số tầng	soTang	Integer				Thể hiện tổng số tầng của tòa nhà kể cả tầng hầm
Số tầng hầm	soTangHam	Integer				Thể hiện tổng số tầng hầm của nhà chung cư
Năm xây dựng	namXayDung	Integer	4			Là năm xây dựng của chung cư
Chiều cao	chieuCao	Real				Là chiều cao thông thủy của tòa nhà (nếu có)
Chiều cao tầng hầm	chieuCaoHam	Real				Là chiều cao thông thủy tầng hầm (nếu có)
Năm hoàn thành	namHoanThanh	Integer	4			Là năm hoàn thành của chung cư, hoàn công
Thời hạn sở hữu	thoiHanSoHuu	String	30			Là thông tin về thời hạn sở hữu của chủ đầu tư. Ví dụ: cho thuê đất 50 năm đến năm 2060
Cấp hạng nhà chung cư	capHang	String	50			Xác định và thể hiện theo quy định phân cấp nhà chung cư của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng
Địa chỉ	diaChiID	String		x	x	Là địa chỉ của chung cư
Phiên bản	phienBan	Interger			x	Là số nguyên lưu trữ thông tin phiên bản của nhà chung cư
Hiệu lực	hieuLuc	Boolean			x	Là hiệu lực để xác định phiên bản là hiệu lực mới nhất, các phiên bản thấp hơn là không còn hiệu lực vì đã bị thay đổi thông tin